# Chi tiết mã HS 5510

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 5510 |
| **Mô tả hàng hóa** | Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tái tạo, chưa đóng gói để bán lẻ |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 03/11/2026 06:54:50 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/5510/ |

## 5 dòng thuế thuộc 5510

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 5510.11.00 | Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tái tạo, chưa đóng gói để bán lẻ / - Có hàm lượng xơ staple tái tạo chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng: / - - Sợi đơn | kg | 7,5% | 5% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 5510.12.00 | Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tái tạo, chưa đóng gói để bán lẻ / - Có hàm lượng xơ staple tái tạo chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng: / - - Sợi xe (folded) hoặc sợi cáp | kg | 7,5% | 5% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 5510.20.00 | Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tái tạo, chưa đóng gói để bán lẻ / - Sợi khác, được pha chủ yếu hoặc duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn | kg | 7,5% | 5% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 5510.30.00 | Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tái tạo, chưa đóng gói để bán lẻ / - Sợi khác, được pha chủ yếu hoặc duy nhất với bông | kg | 7,5% | 5% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 5510.90.00 | Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tái tạo, chưa đóng gói để bán lẻ / - Sợi khác | kg | 7,5% | 5% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.